

Số: 105/QĐ-UBND

Cẩm Đoài, ngày 25 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết toán ngân sách địa phương năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM ĐOÀI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Đoài về việc phê chuẩn Quyết toán ngân sách địa phương năm 2022;

Xét đề nghị của công chức Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của UBND xã Cẩm Đoài. (kèm theo biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Lưu: VT, ...



Vũ Văn Hạnh

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Căn cứ vào Quyết định số 105 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc công bố công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của UBND xã Cẩm Đoài;

Hôm nay ngày 25 tháng 7 năm 2023.

Tại Bộ phận một cửa của UBND Xã Cẩm Đoài.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|----------------------|--|
| 1. Ông Vũ Văn Hạnh | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Phạm Văn Tiến | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà Vũ Thị Ngọc | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Đỗ Văn Vững | Chức vụ: Công chức Văn phòng |
| 5. Ông Vũ Hữu Dưỡng | Chức vụ: Chủ tịch MTTQ xã |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2022.

(Kèm theo biểu mẫu)

Thời gian niêm yết: Từ ngày 25/7/2023 đến hết ngày 24/8/2023.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

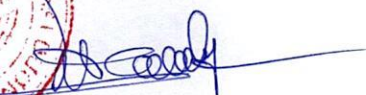
Người có trách nhiệm niêm yết



Vũ Thị Ngọc

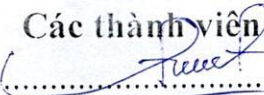


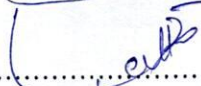
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hạnh

Các thành viên

Phạm Văn Tiến 

Vũ Hữu Dưỡng 

Đỗ Văn Vững 



UBND XÃ CẨM ĐOÀI

Biểu số 116/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	14.226.492.230	Tổng số chi	14.226.492.230
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	3.712.610.200	I. Chi đầu tư phát triển	5.602.553.900
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1.612.773.584	II. Chi thường xuyên	5.551.710.405
III. Thu bổ sung	8.153.558.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	3.072.227.925
- Bổ sung cân đối	2.589.878.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	5.563.680.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	747.550.446		
Kết dư ngân sách			

Biểu số 117/CK TC - NSNN

(Quyết toàn đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1 6 = 4/2
I	Tổng số thu	19.469.682.000	14.226.492.230			73,07
I	Các khoản thu 100%	200.000.000	3.712.610.200			1.856,31
1	Phí, lệ phí	15.000.000	16.194.000			107,96
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	145.000.000	3.658.661.000			2.523,21
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp					
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		1.200.000			
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định					
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định					
7	Đóng góp từ nguyên của các tổ chức, cá nhân		36.555.200			
8	Thu khác	40.000.000				0,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	15.120.100.000	1.612.773.584			10,67
1	Các khoản thu phân chia	116.100.000		0		109,94
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.000.000			21.997.775	157,13
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình					
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	2.100.000	3.300.000			157,14
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	100.000.000	102.341.276			102,34
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	15.004.000.000		0		9,90
21	Thu tiền sử dụng đất	15.000.000.000	1.448.678.900			9,66
22	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước					
23	Thuế tài nguyên					
24	Thuế giá trị gia tăng	2.400.000	23.957.141			998,21
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp					
26	Thuế thu nhập cá nhân	1.600.000	12.498.492			781,16
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt					
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)					
IV	Thu chuyển nguồn					
					747.550.446	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.149.582.000		8.153.558.000		196,49
1	Thu bổ sung cân đối		2.589.878.000		2.589.878.000		100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu		1.559.704.000		5.563.680.000		356,71

Đơn vị: đồng

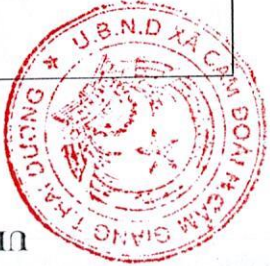
[illegible]

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng				373.037.850		373.037.850			
	Khác				49.360.000		49.360.000			
11	Chi khác	449.082.400		449.082.400						
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				3.073.565.925	1.600.000.000	1.473.565.925			

QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: 1.000 đồng

Tên công trình				Thời gian khởi công - hoàn thành		Tổng số	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị thực hiện đến 31/12/2022		Tổng số	Trong đó thành toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối NS	Chia theo nguồn vốn	Trong đó nguồn đóng góp
						44.530.633,415	0	38.530.633,415	5.602.553,900	5.602.553,900	5.602.553,900	0	0	0
						20.974.068,415	0	20.974.068,415	2.480.596,494	2.480.596,494	2.480.596,494	0	0	0
1. Công trình chuyển tiếp						628.495.000		628.495.000	50.445.300	50.445.300	50.445.300			
Công trình: Sân, vườn, bồn hoa, hệ thống thoát nước				2019		731.456.000		731.456.000	58.306.200	58.306.200	58.306.200			
Công trình: Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường mầm non xã Cẩm Đoài.				2020		476.229.000		476.229.000	91.065.094	91.065.094	91.065.094			
Công trình: Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà bếp và sân bê tông Trường mầm non xã Cẩm Đoài				2020		763.657.000		763.657.000	47.391.400	47.391.400	47.391.400			
Công trình: Mở rộng trường tiểu học xã Cẩm Đoài -				2019		6.148.310.000		6.148.310.000	359.903.750	359.903.750	359.903.750			
Hàng mục: San lấp mặt bằng				2020		4.350.584.415		4.350.584.415	1.260.313.750	1.260.313.750	1.260.313.750			
Công trình: Trám y tế xã Cẩm Đoài - Hàng mục: Nhà làm việc 2 tầng (Móng 3 tầng) và các hạng mục phụ trợ				2021-2022		7.875.337.000		7.875.337.000	613.171.000	613.171.000	613.171.000			
Nhà đa năng trường TH Cẩm Đoài				2019		23.556.565.000	0	17.556.565.000	3.121.957.406	3.121.957.406	3.121.957.406	0	0	0
2. Công trình khởi công mới						5.556.565.000		5.556.565.000	1.044.907.400	1.044.907.400	1.044.907.400			
Công trình: Nhà đa năng, nhà xe, nhà bảo vệ, tường rào trường THCS Cẩm Đoài				T8-12/2022		10.000.000.000		6.000.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000			
Dân cư số 8 thôn Hạ Xá				2022		8.000.000.000		6.000.000.000	477.050.006	477.050.006	477.050.006			
Công trình: Nhà ăn, nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào, cổng, hệ thống thoát nước, sân trường TH Cẩm Đoài				2022										



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU - CHI NGÂN SÁCH
NĂM 2022**

Căn cứ vào Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND Huyện Cẩm Giàng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch thu, chi ngân sách xã năm 2022.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 22/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Đoài về việc phê chuẩn phân bổ dự toán ngân sách xã năm 2022.

Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đoài công khai thuyết minh tình hình quyết toán ngân sách năm 2022
(đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

SỐ TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH (Đ)	Thực hiện	TỶ LỆ %
	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	19.469.682.000	14.226.492.230	73,1
A-	CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI CHI THƯỜNG XUYÊN	320.100.000	3.876.704.884	1211,1
I	Các khoản thu 100%	200.000.000	3.712.610.200	1856,3
1	Thu lệ phí	15.000.000	16.194.000	108,0
2	Thu Hoa Lợi Công Sản , đất công điền	145.000.000	1.034.786.000	713,6
3	Thu khác	40.000.000	1.200.000	3,0
4	Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định		2.623.875.000	
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		36.555.200	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần %	120.100.000	164.094.684	136,6
1	Thuế thu nhập cá nhân	1.600.000	12.498.492	781,2
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	14.000.000	21.997.775	157,1
3	Thuế môn bài	2.100.000	3.300.000	157,1
4	Lệ phí trước bạ nhà đất	100.000.000	102.341.276	102,3
5	Thuế VAT	2.400.000	23.957.141	998,2
B	Thu tiền sử dụng đất để xây dựng cơ sở hạ tầng	15.000.000.000	1.448.678.900	9,7
C	Thu chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022		747.550.446	
C	Thu kết dư năm trước chuyển sang		0	
E	Thu bổ xung từ ngân sách cấp trên	4.149.582.000	8.153.558.000	196,5
1	Thu bổ xung cân đối từ ngân sách cấp trên	2.589.878.000	2.589.878.000	100,0
2	Thu bổ xung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	1.559.704.000	5.563.680.000	356,7
PHẦN CHI				
A-	TỔNG CHI	19.469.682.000	14.226.492.230	73,1
	Tiết kiệm	75.000.000		
I	Chi đầu tư phát triển	15.000.000.000	5.602.553.900	37,4



	Chi thanh toán công trình giáo dục	14.000.000.000	5.126.319.056	36,6
	Chi thanh toán công trình y tế	1.000.000.000	476.234.844	47,6
II	CHI THUỒNG XUYẾN	4.394.682.000	5.551.710.405	126,3
I	CHI UBND + UBND	2.260.895.000	3.405.288.840	150,6
2	CHI HOẠT ĐỘNG BẢNG	654.129.000	570.254.205	87,2
3	HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ	664.386.000	670.905.000	101,0
	Chi hoạt động hội Phụ nữ	89.876.000	92.257.250	102,6
	Chi hoạt động hội Nông dân	123.012.000	126.578.640	102,9
	Chi hoạt động Đoàn thanh niên	112.986.000	115.402.070	102,1
	Chi hoạt động hội Cựu chiến binh	88.699.000	86.722.160	97,8
	Chi hoạt động MTTQ xã	249.813.000	249.944.880	100,1
4	CHI CÁC SỰ NGHIỆP	124.050.000	40.215.500	32,4
5	CHI ĐÀM BẢO XÃ HỘI	242.139.600	422.397.850	174,4
6	CHI QUỐC PHÒNG	361.906.000	361.906.000	100,0
7	CHI AN NINH TRẬT TỰ	87.176.400	80.743.010	92,6
III	CHUYÊN NGUYÊN SANG NĂM 2023		3.072.227.925	